Phụ lục

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1884 /QĐ-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

PHẦN I . DANH MỤC TTHC NỘI BỘ TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Danh mục TTHC nhóm B được ban hành mới:

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung ban hành mới	Cơ quan thực hiện
1	Phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không	Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay	Cục Hàng không Việt Nam

2. Danh mục TTHC nhóm A được sửa đổi, bổ sung:

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Cơ quan thực hiện
1	5.002585	Thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không	Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026 của Chính phủ về hoạt động bay	Bộ Quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ
2	5.002589	Thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam	Nghị định số 264/2026/NĐ-CP ngày 01/7/2026 của Chính phủ về bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang	Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và

				Phiên dịch đối ngoại), Bộ Tài chính (Cục Hải quan).
3	5.002590	Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài		Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan)

3. Danh mục TTHC nhóm A bị bãi bỏ:

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung bị bãi bỏ	Cơ quan thực hiện
1	5.002586	Phê duyệt thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ khu vực cấm bay	Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 22/6/2026 của Chính phủ về hoạt động bay	Bộ Quốc phòng, Thủ tướng Chính phủ
2	5.002587	Thiết lập, công bố phương thức liên lạc chung đối với hoạt động bay trong vùng trời cho khu vực bay, đường bay phục vụ hoạt động hàng không chung		Cục Hàng không Việt Nam

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ XÂY DỰNG

1. Phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không

- Trình tự thực hiện:

Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam gửi hồ sơ đề nghị phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không đến Cục Hàng không Việt Nam.

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, Cục Hàng không Việt Nam ra quyết định phê chuẩn, Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam thực hiện công bố tin tức hàng không theo quy định. Trường hợp từ chối phê chuẩn, Cục Hàng không Việt Nam phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc hệ thống văn bản điện tử đến Cục Hàng không Việt Nam

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần:

= Văn bản đề nghị theo Mẫu;

= Bản sao hoặc bản sao điện tử dự thảo sơ đồ, bản đồ hàng không;

= Bản sao hoặc bản sao điện tử các tài liệu có liên quan bao gồm cả bảng kiểm tra tuân thủ tương ứng với Phụ ước 4 của ICAO.

+ Số lượng: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cục Hàng không Việt Nam

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không.

- Phí, lệ phí: Không có

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính:

+ Văn bản đề nghị theo mẫu;

+ Quyết định phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 47/2026/TT-BXD ngày 30 tháng 06 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay.

MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ PHÊ CHUẨN SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ HÀNG KHÔNG

TÊN TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……. V/v: đề nghị…..	*……., ngày …. tháng …. năm …..*

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Căn cứ……..…….;

Căn cứ ……...;

(Tên tổ chức, đơn vị) …….. đề nghị Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn Sơ đồ, bản đồ hàng không … với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên sơ đồ, bản đồ hàng không:

2. Lý do đề nghị [1]:

3. Ngày dự kiến đưa vào sử dụng [2]:

4. Hồ sơ, tài liệu đi kèm:

1 Thể hiện các danh mục đánh giá các nội dung thay đổi bao gồm: Sơ đồ, bản đồ hiện hành (ngày ban hành theo Quyết định số … ngày …/…/202..; nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung; Hồ sơ chứng minh sự thay đổi (nếu có).
2 Áp dụng đối với các thông tin cần phải phát hành thông báo tin tức hàng không

BỘ XÂY DỰNG **CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM** **--------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------**
Số: ……/QĐ-CHK	*....., ngày .... tháng .... năm ...*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không
(ghi rõ tên, loại sơ đồ, bản đồ…)

CỤC TRƯỞNG CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số .../……/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ **về** hoạt động bay;*

Căn cứ Thông tư số.../……./TT-BXD ngày ...tháng...năm 2026 của Bộ Xây dựng về Quản lý và bảo đảm hoạt động bay;

Căn cứ….

Xét đề nghị của Trưởng phòng .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê chuẩn sơ đồ, bản đồ hàng không (ghi rõ tên, loại sơ đồ, bản đồ) …… theo Phụ lục đính kèm**.**

Điều 2. Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thực hiện thủ tục công bố sản phẩm tin tức hàng không theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ….

Điều 4. Các ông/bà ……, Giám đốc Cảng vụ hàng không ....., Trưởng phòng …….. và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận: *- .....;* *- Lưu: ……..*	**CỤC TRƯỞNG** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

2. Thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không

- Trình tự thực hiện:

Bộ Xây dựng gửi hồ sơ đề nghị thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không đến Bộ Quốc phòng.

Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Quốc phòng thẩm định, đánh giá tác động, ảnh hưởng về mặt quân sự, quốc phòng có liên quan, tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định để thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định việc thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính hoặc gửi trực tuyến

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần:

≠ Văn bản đề nghị thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không theo Mẫu;

≠ Dự thảo thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ, quản lý, khai thác, sử dụng đường hàng không; các tài liệu khác (nếu có).

+ Số lượng: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Bộ Quốc phòng thẩm định, đánh giá tác động: 07 ngày làm việc;

+ Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định: 15 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Bộ Xây dựng

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ; Bộ Quốc phòng.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: quyết định để thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không;

- Phí, lệ phí: Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Văn bản đề nghị thiết lập, điều chỉnh, hủy bỏ đường hàng không.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đường hàng không được thiết lập trên cơ sở:

+ Nhu cầu giao lưu hàng không quốc tế và nội địa;

+ Yêu cầu tổ chức hoạt động bay dân dụng;

+ Khả năng cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay, bảo đảm an ninh, an toàn hàng không;

+ Yêu cầu quản lý, bảo vệ vùng trời, bảo đảm quốc phòng và an ninh quốc gia;

+ Phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hàng không dân dụng và Chương trình quốc gia về bảo đảm hoạt động bay;

+ Yêu cầu tổ chức luồng không lưu, nâng cao an toàn, điều hòa và hiệu quả khai thác.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 222/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động bay.

Phụ lục IX
MẪU VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN VỀ VIỆC THIẾT LẬP, ĐIỀU CHỈNH, HỦY BỎ ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

CƠ QUAN CHỦ QUẢN ĐƠN VỊ _____ Số:……/……. V/v Đề nghị thiết lập (điều chỉnh, hủy bỏ) đường hàng không	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ *……., ngày ...tháng ....năm ……*

Kính gửi: ……..

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ……./2026/NĐ-CP ngày …. tháng …. Năm 2026 của Chính phủ về hoạt động bay;

(Tên tổ chức) đề nghị Bộ Quốc phòng ….. như sau:

1. Nội dung đề nghị: Trình (cấp có thẩm quyền) về việc thiết lập (điều chỉnh, hủy bỏ) đường hàng không……..

2. Phụ lục kèm theo bao gồm: Thông số đường hàng không, sơ đồ chi tiết và các nội dung mô tả cụ thể….

3. Thông tin của người được giao nhiệm vụ để phối hợp cung cấp hồ sơ, làm việc với cơ quan, đơn vị nhận công văn (địa chỉ/số điện thoại/ thư điện tử).

Trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận: - Như trên; - …; - Lưu: VT.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ** *(Ký tên, đóng dấu)*

3. Thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam

- Trình tự thực hiện: Các cơ quan gồm: Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại) thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam tới các cơ quan, đơn vị sau:

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện vận chuyển nội địa: Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyến bay (đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 264/2026/NĐ-CP);

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam thực hiện vận chuyển quốc tế: Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại), Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyến bay (đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 264/2026/NĐ-CP);

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện vận chuyển nội địa: Bộ Quốc phòng, Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

+ Chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện vận chuyển quốc tế: Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại), Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ), Bộ Quốc phòng, Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Tài chính (Cục Hải quan), doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần: Thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam được thực hiện bằng văn bản gồm có các nội dung sau: Đối tượng được phục vụ và số lượng, thành phần đoàn; hành trình chuyến bay; doanh nghiệp nhận đặt hàng thực hiện chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam hoặc đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng được đặt hàng hoặc được giao thực hiện chuyến bay; yêu cầu về nghi lễ đón, tiễn; yêu cầu về bảo đảm an ninh, quốc phòng và các yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

+ Số lượng: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Đối với các chuyến bay chuyên cơ: tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay đối với bay nội địa; tối thiểu 10 ngày làm việc trước ngày

dự định thực hiện chuyến bay đối với bay quốc tế; trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

+ Đối với các chuyến bay chuyên khoang: tối thiểu 24 giờ trước giờ dự định cất cánh của chuyến bay đối với bay nội địa; tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay đối với bay quốc tế; trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền;

+ Đối với chuyến bay chuyên cơ do đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện: tối thiểu 05 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay; trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại).

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại), Bộ Tài chính (Cục Hải quan); doanh nghiệp được đặt hàng thực hiện chuyến bay (đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 264/2026/NĐ-CP).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang của Việt Nam.

- Phí, lệ phí: Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 264/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.

4. Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài

- Trình tự thực hiện: Các cơ quan gồm: Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại); Bộ Quốc phòng (Cục Đối ngoại); Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài tới các cơ quan, đơn vị sau:

Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

+ Thành phần: Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài được thực hiện bằng văn bản gồm các nội dung sau: Đối tượng được phục vụ và số lượng, thành phần đoàn; Hành trình chuyến bay; Người khai thác tàu bay, cơ quan, tổ chức khác của nước ngoài thực hiện;Yêu cầu về nghi lễ đón, tiễn; Yêu cầu về bảo đảm an ninh, an toàn và các yêu cầu cụ thể khác (nếu có).

+ Số lượng: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

Thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài được gửi tối thiểu 07 ngày làm việc trước ngày dự định thực hiện chuyến bay, trừ trường hợp đặc biệt theo quyết định hoặc yêu cầu của cấp có thẩm quyền thông báo chuyến bay.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Văn phòng Trung ương Đảng; Văn phòng Chủ tịch nước; Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Quốc hội; Bộ Ngoại giao (Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại); Bộ Quốc phòng (Cục Đối ngoại); Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự).

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Bộ Công an (Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh), Bộ Xây dựng (Cục Hàng không Việt Nam), Bộ Quốc phòng (Cục Tác chiến, Quân chủng Phòng không - Không quân), Bộ Tài chính (Cục Hải quan).

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản thông báo chuyến bay chuyên cơ của nước ngoài.

- Phí, lệ phí: Không có.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; mẫu kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Không có.

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 264/2026/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ về bảo đảm chuyến bay chuyên cơ, chuyên khoang.